

ĐẨY MẠNH TỰ CHỦ ĐẠI HỌC THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT 71 CỦA ĐẢNG**Trần Văn Hiếu, Lê Thị Thuỳ Dương****Khoa Khoa học Chính trị, Xã hội và Nhân văn - Đại học Cần Thơ**

Tóm tắt: Bài viết phân tích cơ sở lý luận và quan điểm của Đảng về tự chủ đại học trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo ở Việt Nam. Trên cơ sở làm rõ nội dung cốt lõi của Nghị quyết số 71-NQ/TW, bài viết đánh giá thực trạng triển khai tự chủ đại học hiện nay, chỉ ra những kết quả bước đầu cũng như các hạn chế, bất cập. Từ đó, đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh tự chủ đại học theo hướng thực chất, đồng bộ và hiệu quả. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện chính sách và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đại học trong thời gian tới.

Từ khóa: Tự chủ đại học; Nghị quyết 71; giáo dục đại học; quản trị đại học; trách nhiệm giải trình.

PROMOTING UNIVERSITY AUTONOMY IN ACCORDANCE WITH THE SPIRIT OF THE PARTY'S RESOLUTION NO. 71

Abstract: This article analyzes the theoretical foundations and the Party's viewpoints on university autonomy in the context of fundamental and comprehensive educational reform in Vietnam. Based on clarifying the core contents of Resolution No. 71-NQ/TW, the study examines the current implementation of university autonomy, highlighting both initial achievements and existing limitations. On that basis, several solutions are proposed to promote university autonomy in a more substantive, coherent, and effective manner. The research findings provide scientific evidence to support policy improvement and to enhance the quality and effectiveness of higher education in Vietnam in the coming period.

Keywords: university autonomy; Resolution No. 71-NQ/TW; higher education; university governance; accountability.

Nhận bài: 18/11/2025

Phản biện: 20/12/2025

Duyệt đăng: 24/12/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, giáo dục và đào tạo được Đảng xác định là lĩnh vực then chốt, có vai trò quyết định đối với chất lượng nguồn nhân lực và năng lực phát triển bền vững của đất nước. Trong đó, giáo dục đại học giữ vị trí trung tâm trong việc đào tạo nhân lực trình độ cao và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Giáo dục đại học giữ vai trò then chốt trong đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển khoa học – công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia (Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, 2013). Trước yêu cầu đó, tự chủ đại học được xem là xu thế tất yếu, góp phần phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục đại học, đồng thời nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Nghị quyết số 71-NQ/TW của Đảng tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu đẩy mạnh tự chủ đại học gắn với trách nhiệm giải trình, đổi mới phương thức quản lý nhà nước về giáo dục đại học. Bài viết nhằm làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc đẩy mạnh tự chủ đại học theo tinh thần Nghị quyết 71, qua đó góp phần cung cấp luận cứ khoa học phục vụ hoạch định và hoàn thiện chính sách giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU**2.1. Cơ sở lý luận và quan điểm của Đảng về tự chủ đại học****2.1.1. Khái niệm và nội hàm tự chủ đại học**

Trong khoa học giáo dục và quản lý công, có thể tiếp cận tự chủ đại học như một cơ chế phân quyền có kiểm soát, trong đó Nhà nước chuyển giao một phần quyền quyết định cho các cơ sở giáo dục đại học, đồng thời yêu cầu các cơ sở này chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng trong khuôn khổ pháp luật hiện hành (OECD, 2019; Quốc hội, 2018). Ở Việt Nam, tự chủ đại học không đồng nghĩa với sự buông lỏng quản lý của Nhà nước, mà là sự chuyển đổi từ mô hình quản lý hành chính trực tiếp sang quản lý bằng pháp luật, chiến lược, tiêu chuẩn và cơ chế giám sát (Quốc hội, 2018).

Xét về nội dung, tự chủ đại học không phải là một khái niệm đơn nhất mà được cấu thành bởi nhiều phương diện gắn bó chặt chẽ với nhau. Trước hết là quyền tự quyết về học thuật, cho phép các cơ sở giáo dục đại học chủ động thiết kế chương trình đào tạo, tổ chức hoạt động nghiên cứu và mở rộng hợp tác quốc tế. Cùng với đó là quyền tự chủ về tổ chức và nhân sự, thể hiện ở khả năng lựa chọn mô hình tổ chức và phát triển đội ngũ phù

hợp với chiến lược dài hạn. Tự chủ tài chính và tự chủ quản trị đóng vai trò bảo đảm nguồn lực và cơ chế vận hành hiệu quả cho toàn bộ hệ thống, qua đó quyết định mức độ thành công của tự chủ đại học trong thực tiễn (Chính phủ, 2019).

Trong điều kiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tự chủ đại học mang những đặc điểm riêng. Đó là sự kết hợp hài hòa giữa quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học với vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý thống nhất của Nhà nước và sự giám sát của xã hội. Tự chủ đại học phải hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, công bằng trong tiếp cận giáo dục và phục vụ lợi ích quốc gia, dân tộc.

2.1.2. Mối quan hệ giữa tự chủ đại học và trách nhiệm giải trình

Trên thực tế, tự chủ đại học chỉ có thể phát huy hiệu quả khi được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với trách nhiệm giải trình. Việc mở rộng quyền quyết định cho các cơ sở giáo dục đại học đồng thời làm gia tăng yêu cầu minh bạch hóa thông tin và chịu trách nhiệm trước Nhà nước, người học và xã hội về chất lượng đào tạo cũng như hiệu quả sử dụng nguồn lực. Nếu thiếu cơ chế giải trình phù hợp, tự chủ rất dễ bị hiểu lệch thành sự buông lỏng quản lý (OECD, 2019). Trách nhiệm giải trình thể hiện ở việc công khai thông tin về chất lượng đào tạo, kết quả nghiên cứu khoa học, tình hình tài chính và hiệu quả quản trị của cơ sở giáo dục đại học.

Trong bối cảnh Việt Nam, trách nhiệm giải trình của các trường đại học được thực hiện thông qua nhiều cơ chế, trong đó kiểm định chất lượng giáo dục giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Kiểm định chất lượng không chỉ là công cụ đánh giá độc lập, khách quan mà còn là căn cứ để Nhà nước thực hiện quản lý vĩ mô và xã hội giám sát hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học. Bên cạnh đó, việc tăng cường công khai, minh bạch thông tin góp phần nâng cao niềm tin xã hội và tạo động lực cho các trường không ngừng nâng cao chất lượng và uy tín (Chính phủ, 2019).

2.1.3. Quan điểm của Đảng về tự chủ đại học

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam nhất quán khẳng định tự chủ đại học là yêu cầu khách quan của quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo

dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Nghị quyết số 29-NQ/TW đã xác định rõ việc đổi mới cơ chế quản lý giáo dục đại học theo hướng tăng cường tự chủ, trách nhiệm xã hội của các cơ sở giáo dục đại học (Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, 2013).

Tiếp nối tinh thần đó, Nghị quyết số 71-NQ/TW nhấn mạnh yêu cầu đẩy mạnh tự chủ đại học một cách thực chất, đồng bộ, gắn với đổi mới phương thức quản lý nhà nước và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống giáo dục đại học. Đảng giữ vai trò lãnh đạo toàn diện, định hướng chiến lược; Nhà nước thực hiện quản lý thống nhất bằng pháp luật, cơ chế, chính sách; đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục đại học trong tổ chức và thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học. Đây là cơ sở chính trị – lý luận quan trọng để đẩy mạnh tự chủ đại học ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

2.2. Tự chủ đại học trong Nghị quyết 71 của Đảng

2.2.1. Mục tiêu và định hướng lớn của Nghị quyết 71

Nghị quyết số 71-NQ/TW của Đảng xác định rõ mục tiêu tiếp tục đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng. Đối với giáo dục đại học, Nghị quyết hướng tới xây dựng nền giáo dục đại học mở, hiện đại và hội nhập quốc tế, có khả năng thích ứng linh hoạt với sự phát triển nhanh của khoa học – công nghệ và thị trường lao động. Đây là định hướng quan trọng nhằm khắc phục tình trạng khép kín, kém linh hoạt trong tổ chức và hoạt động của nhiều cơ sở giáo dục đại học hiện nay.

Bên cạnh đó, Nghị quyết 71 nhấn mạnh yêu cầu nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của hệ thống giáo dục đại học, coi đây là điều kiện tiên quyết để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao vị thế quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Việc thực hiện tự chủ đại học được xác định là giải pháp mang tính đột phá nhằm đạt được các mục tiêu nêu trên, thông qua việc phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cơ sở giáo dục đại học trong tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2.2.2. Nội dung cốt lõi về đẩy mạnh tự chủ đại học

Một trong những nội dung cốt lõi của Nghị quyết 71 là trao quyền tự chủ đầy đủ, thực chất cho các cơ sở giáo dục đại học trên các lĩnh vực học thuật, tổ chức – nhân sự, tài chính và quản trị. Tự chủ được hiểu không chỉ là mở rộng quyền hạn, mà còn là tạo điều kiện để các trường đại học chủ động quyết định chiến lược phát triển, mô hình tổ chức và phương thức hoạt động phù hợp với sứ mệnh và điều kiện cụ thể của từng cơ sở (Quốc hội, 2018).

Nghị quyết 71 đồng thời đặt ra yêu cầu đổi mới phương thức quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học, chuyển từ quản lý hành chính trực tiếp sang quản lý bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, tiêu chuẩn chất lượng và cơ chế giám sát. Nhà nước tập trung vào vai trò hoạch định chính sách, kiểm tra, thanh tra và bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, thay vì can thiệp sâu vào hoạt động nội bộ của các cơ sở giáo dục đại học (Chính phủ, 2019).

Một điểm đáng chú ý trong Nghị quyết 71-NQ/TW là sự điều chỉnh cách tiếp cận đối với vai trò của hội đồng trường trong quản trị đại học. Thay vì tuyệt đối hóa hội đồng trường như một thiết chế mang tính bắt buộc và trung tâm, Nghị quyết chuyển trọng tâm sang bảo đảm quyền tự chủ thực chất gắn với trách nhiệm giải trình. Cách tiếp cận này phản ánh sự nhìn nhận thực tế rằng, trong điều kiện cụ thể của Việt Nam, hiệu quả quản trị không chỉ phụ thuộc vào mô hình tổ chức, mà quan trọng hơn là năng lực vận hành, mức độ phân quyền thực chất và cơ chế giám sát đi kèm. Đây có thể xem là bước điều chỉnh tư duy quản lý phù hợp với yêu cầu đổi mới quản trị đại học theo hướng linh hoạt và hiệu quả hơn. Việc không tuyệt đối hóa hội đồng trường góp phần khắc phục tình trạng hình thức hóa tự chủ đại học. Qua đó, nâng cao hiệu quả quản trị và chất lượng giáo dục đại học.

2.2.3. Yêu cầu về trách nhiệm của các chủ thể

Để triển khai hiệu quả tự chủ đại học theo tinh thần Nghị quyết 71, trách nhiệm của các chủ thể liên quan cần được xác định rõ ràng. Đối với Nhà nước, trách nhiệm trọng tâm là tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về giáo dục đại học, bảo đảm tính đồng bộ, minh bạch và ổn định, đồng

thời tăng cường các công cụ giám sát, kiểm định chất lượng nhằm bảo đảm tự chủ gắn với trách nhiệm xã hội (Chính phủ, 2019).

- Đối với các cơ sở giáo dục đại học, việc thực hiện tự chủ đòi hỏi nâng cao năng lực quản trị, chủ động xây dựng chiến lược phát triển, sử dụng hiệu quả các nguồn lực và chịu trách nhiệm giải trình trước Nhà nước và xã hội về chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học. Tự chủ chỉ thực sự có ý nghĩa khi các trường đại học coi đây là động lực đổi mới, không phải là gánh nặng hay hình thức phân cấp đơn thuần.

- Đối với đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên, Nghị quyết 71 đặt ra yêu cầu nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp. Đội ngũ này vừa là chủ thể trực tiếp thực hiện tự chủ, vừa là nhân tố quyết định chất lượng và hiệu quả của quá trình đổi mới giáo dục đại học. Sự đồng thuận, chủ động và sáng tạo của đội ngũ cán bộ, giảng viên có ý nghĩa then chốt trong việc hiện thực hóa các mục tiêu tự chủ đại học theo tinh thần Nghị quyết 71 của Đảng.

2.3. Thực trạng đẩy mạnh tự chủ đại học ở Việt Nam hiện nay

2.3.1. Kết quả bước đầu

Trong những năm gần đây, việc triển khai chủ trương tự chủ đại học ở Việt Nam đã đạt được một số kết quả bước đầu đáng ghi nhận. Nhận thức của các cấp quản lý, các cơ sở giáo dục đại học và xã hội về vai trò, ý nghĩa của tự chủ đại học ngày càng được nâng cao. Tự chủ không còn được hiểu đơn thuần là giảm bao cấp ngân sách, mà được nhìn nhận như một giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống giáo dục đại học (Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, 2013).

Trên thực tế, một số cơ sở giáo dục đại học đã mạnh dạn triển khai các mô hình tự chủ với mức độ khác nhau và bước đầu phát huy hiệu quả. Các trường được giao quyền tự chủ cao đã chủ động hơn trong xây dựng chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, mở rộng hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế. Nhờ đó, chất lượng đào tạo ở một số ngành, lĩnh vực được cải thiện, năng lực nghiên cứu và chuyển giao tri thức từng bước được nâng lên (Quốc hội, 2018).

Bên cạnh đó, tự chủ đại học cũng góp phần

thúc đẩy các trường đa dạng hóa nguồn lực tài chính, tăng cường liên kết với doanh nghiệp và xã hội, từng bước giảm sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước. Những chuyển biến này đã tạo tiền đề quan trọng cho việc hình thành môi trường giáo dục đại học năng động, linh hoạt hơn, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội trong bối cảnh mới (Chính phủ, 2019).

2.3.2. Những hạn chế, bất cập

Mặc dù đạt được những kết quả bước đầu, việc đẩy mạnh tự chủ đại học ở Việt Nam hiện nay vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Trước hết, tự chủ chưa được triển khai một cách đồng bộ, ở nhiều cơ sở giáo dục đại học còn mang tính hình thức, chủ yếu tập trung vào tự chủ tài chính, trong khi tự chủ học thuật, tổ chức và quản trị chưa được thực hiện đầy đủ. Điều này làm giảm hiệu quả tổng thể của quá trình tự chủ đại học.

Bên cạnh đó, cơ chế tài chính và nhân sự vẫn còn nhiều ràng buộc. Các quy định về ngân sách, tiền lương, tuyển dụng và sử dụng nhân sự chưa thực sự phù hợp với yêu cầu tự chủ, khiến các trường đại học gặp khó khăn trong việc thu hút, giữ chân và phát triển đội ngũ giảng viên chất lượng cao. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học (Chính phủ, 2019).

Một hạn chế đáng chú ý khác là vai trò của hội đồng trường chưa được thực hiện đầy đủ và thực chất. Ở không ít cơ sở giáo dục đại học, hội đồng trường hoạt động còn hình thức, chưa phát huy đúng vai trò là thiết chế quản trị trung tâm, đại diện quyền sở hữu và giám sát hoạt động của bộ máy điều hành. Đây là điểm nghẽn lớn trong việc hiện thực hóa tự chủ đại học theo đúng tinh thần các nghị quyết của Đảng.

2.3.3. Nguyên nhân

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Về thể chế, chính sách, hệ thống pháp luật về giáo dục đại học mặc dù đã có những bước hoàn thiện quan trọng, song vẫn còn thiếu đồng bộ, một số quy định chưa rõ ràng, chồng chéo, làm hạn chế quyền tự chủ thực chất của các cơ sở giáo dục đại học (Quốc hội, 2018).

Về năng lực quản trị, nhiều cơ sở giáo dục đại học chưa theo kịp yêu cầu quản trị trong điều kiện tự chủ. Đội ngũ cán bộ quản lý còn hạn chế về

kỹ năng quản trị hiện đại, trong khi tâm lý e ngại trách nhiệm, sợ sai, sợ rủi ro vẫn còn khá phổ biến. Điều này dẫn đến việc chưa mạnh dạn đổi mới, chưa khai thác hết tiềm năng và lợi thế của cơ chế tự chủ. Do đó, việc đẩy mạnh tự chủ đại học ở Việt Nam hiện nay đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ, vừa hoàn thiện thể chế, vừa nâng cao năng lực và trách nhiệm của các chủ thể tham gia.

2.4. Giải pháp đẩy mạnh tự chủ đại học theo tinh thần Nghị quyết 71

2.4.1. Hoàn thiện thể chế, chính sách về tự chủ đại học

Để đẩy mạnh tự chủ đại học theo tinh thần Nghị quyết 71, trước hết cần tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về giáo dục đại học theo hướng đồng bộ, thống nhất và ổn định. Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật liên quan đến tổ chức, tài chính, nhân sự và quản trị đại học là yêu cầu cấp thiết nhằm tháo gỡ những rào cản đang hạn chế quyền tự chủ thực chất của các cơ sở giáo dục đại học. Đồng thời, cần bảo đảm sự thống nhất giữa Luật Giáo dục đại học, các nghị định hướng dẫn và các luật có liên quan, tránh tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn trong quá trình thực thi (Quốc hội, 2018).

Bên cạnh đó, cần phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm giữa Nhà nước và cơ sở giáo dục đại học. Nhà nước tập trung vào vai trò hoạch định chiến lược, ban hành chính sách, xây dựng tiêu chuẩn, kiểm định chất lượng và giám sát, trong khi các cơ sở giáo dục đại học được trao quyền chủ động trong tổ chức và hoạt động chuyên môn. Việc phân định rạch ròi này là cơ sở quan trọng để phát huy tính tự chủ, đồng thời bảo đảm hiệu lực quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học (Chính phủ, 2019).

2.4.2. Đổi mới quản trị đại học

Đổi mới quản trị đại học là giải pháp then chốt nhằm hiện thực hóa tự chủ đại học trong thực tiễn. Trọng tâm của đổi mới quản trị là nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hội đồng trường với tư cách là thiết chế quản trị trung tâm trong các cơ sở giáo dục đại học. Hội đồng trường cần được trao đủ thẩm quyền, hoạt động thực chất, độc lập và chuyên nghiệp, bảo đảm thực hiện đúng vai trò quyết định chiến lược phát triển, giám sát bộ máy điều hành và đại diện quyền lợi của các bên liên quan.

Song song với đó, cần chuyển mạnh từ mô hình quản lý hành chính sang quản trị đại học hiện đại, dựa trên các nguyên tắc minh bạch, hiệu quả, trách nhiệm giải trình và hướng tới kết quả. Quản trị đại học hiện đại đòi hỏi áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến, tăng cường phân quyền gắn với kiểm soát, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng thích ứng của các cơ sở giáo dục đại học trong bối cảnh hội nhập quốc tế (OECD, 2019).

2.4.3. Nâng cao năng lực đội ngũ

Việc thực hiện tự chủ đại học đặt ra yêu cầu cao đối với năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên. Do đó, cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục đại học theo hướng chuyên nghiệp, có tư duy chiến lược, am hiểu pháp luật và có năng lực quản trị trong điều kiện tự chủ. Đây là điều kiện tiên quyết để các cơ sở giáo dục đại học vận hành hiệu quả cơ chế tự chủ.

Bên cạnh đó, cần xây dựng văn hóa tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình trong toàn hệ thống giáo dục đại học. Văn hóa này được thể hiện ở tinh thần chủ động, sáng tạo, dám chịu trách nhiệm, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và quy định pháp luật. Khi văn hóa tự chủ được hình thành và lan tỏa, tự chủ đại học sẽ trở thành động lực nội sinh cho đổi mới và phát triển bền vững.

2.4.4. Tăng cường kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình

Đẩy mạnh tự chủ đại học không thể tách rời việc tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình. Trong đó, cần tiếp tục hoàn thiện

hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học theo hướng độc lập, khách quan và tiệm cận chuẩn mực quốc tế. Kết quả kiểm định phải được coi là căn cứ quan trọng để Nhà nước thực hiện quản lý vĩ mô và để xã hội giám sát hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học (Chính phủ, 2019).

Ngoài ra, cần đẩy mạnh công khai, minh bạch trong hoạt động đại học, đặc biệt là các thông tin liên quan đến chất lượng đào tạo, tài chính, nhân sự và kết quả nghiên cứu khoa học. Công khai, minh bạch không chỉ là yêu cầu của trách nhiệm giải trình, mà còn là yếu tố góp phần nâng cao uy tín, vị thế và niềm tin xã hội đối với các cơ sở giáo dục đại học trong bối cảnh thực hiện tự chủ theo tinh thần Nghị quyết 71 của Đảng.

III. KẾT LUẬN

Tự chủ đại học là chủ trương đúng đắn, nhất quán của Đảng, phù hợp với yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Nghị quyết số 71-NQ/TW đã xác định rõ định hướng và mục tiêu đẩy mạnh tự chủ đại học như một giải pháp then chốt nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Việc thực hiện tự chủ đại học cần được triển khai một cách đồng bộ, có lộ trình phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng cơ sở giáo dục đại học. Đồng thời, tự chủ phải gắn chặt với trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch và cơ chế kiểm soát hiệu quả. Chỉ khi đó, tự chủ đại học mới thực sự trở thành động lực thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và phát triển bền vững giáo dục đại học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*. Hà Nội.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (n.d.). *Nghị quyết số 71-NQ/TW về tiếp tục đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*. Hà Nội.

Chính phủ. (2019). *Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học*. Hà Nội.

OECD. (2019). *Education at a glance 2019: OECD indicators*. OECD Publishing.

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2018). *Luật Giáo dục đại học (sửa đổi)*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.